

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

T n c ng i b ng i ng Vi :C NG TY C PH N THI TK KI N TR C  
AKELA

T n c ng i b ng i ng n c ngo i: AKELA DESIGN ARCHITECTURE JOINT STOCK COMPANY

T n c ng i : AKELA.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107783498

**3. Ngày thành lập:** 30/03/2017

#### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

C22TT13, kh h V n Q n, Ph ng V n Q n, Q n H ng, Th nh h H  
N i, Vi Nam

i n h o i: 0988860272

Fax:

Email: *thietkeakela@gmail.com*

Website: <https://akela.vn/>

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | X d ng c ng nh k h d n d ng kh c                                                                                                                                                                                                                                                     | 4290        |
| 2.  | Ho ng d ng ch n d ng kh c                                                                                                                                                                                                                                                            | 4390        |
| 3.  | S a ch a m m c, hi b                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312        |
| 4.  | S a ch a hi b i n                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3314        |
| 5.  | X d ng c ng nh c ng ch                                                                                                                                                                                                                                                               | 4220        |
| 6.  | L h h ng i n                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 7.  | B n l i n gia d ng, gi ng, , b n, gh n i h<br>ng , n b n i n, d ng gia nh kh c ch a c<br>h n o ong c c c a h ng ch n doanh                                                                                                                                                           | 4759        |
| 8.  | V inh nh c a c c c ng nh kh c                                                                                                                                                                                                                                                        | 8129        |
| 9.  | Ho ng ki n c n k h c li n an<br>Chi i : Ho ng ki n c<br>Ho ng o c b n<br>Ho ng h m d a ch , ng n n c<br>Ho ng kh o o c a ch nh, a h nh ong d ng;<br>T n h m a d n d ng<br>T n h m a hi k d ng;<br>T n n l chi h d ng<br>T n d ng<br>D o n d ng c ng nh;<br>Gi m hi c ng d ng c ng nh | 7110(Chính) |
| 10. | Ph d                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311        |
| 11. | L h h ng c , ho n c, l i i ho kh ng<br>khí                                                                                                                                                                                                                                           | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | B n b n d ng kh c cho gia nh<br>Chi i : B n b n ali, c , i, , h ng da gi da kh c<br>B n b n h ng g m, , h inh<br>B n b n i n gia d ng, n b n i n<br>B n b n gi ng, , b n gh d ng n i h ng                                                                                                                                             | 4649 |
| 13. | Ho ng n n l<br>Chi i : - T n gi kinh doanh ho c d ch l k<br>ho ch, ch c, ho ng hi , h ng in n l .<br>- T n h<br>- D ch n: bao g m ho ng n n l d n                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 14. | Ho ng hi k ch n d ng<br>Chi i : - D ch hi k h ;<br>- Ho ng ang n i h .                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 15. | Cho h m m c, hi b d ng h h nh kh c<br>Chi i : Cho h m m c, hi b d ng                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7730 |
| 16. | S n gi ng, , b n, gh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3100 |
| 17. | X d ng nh c c lo i                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4100 |
| 18. | Q ng c o                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 19. | i l , m i gi i, gi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4610 |
| 20. | B n b n ng h                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 21. | B n l h ng h a kh c m i ong c c c a h ng ch n doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773 |
| 22. | B n b n i, h ng ma n, gi d                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641 |
| 23. | X d ng c ng nh ng ng b                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4210 |
| 24. | Ch n b m b ng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4312 |
| 25. | L h h ng d ng kh c                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329 |
| 26. | Ho n hi n c ng nh d ng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 27. | B n b n m m c, hi b h ng m kh c<br>Chi i : B n b n m m c, hi b h ng m khai<br>kho ng, d ng<br>B n b n m m c, hi b i n, li i n (m h i n,<br>ng c i n, d i n hi b kh c d ng ong m ch i n)<br>B n b n m m c, hi b h ng m d , ma , da gi<br><br>B n b n m m c, hi b h ng m n h ng (<br>m i nh hi b ngo i i)<br>B n b n hi b d ng c o l ng | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | <p>B n b n li , hi b l kh c ong d ng</p> <p>Chi i : B n b n e, n a, g c g ch bi n</p> <p>B n b n i m ng</p> <p>B n b n g ch , ng i, , c , i</p> <p>B n b n k nh d ng</p> <p>B n b n n, c ni</p> <p>B n b n g ch l hi b inh</p> <p>B n b n ng kim</p> <p>B n b n hi b l inh nh : ng, ng d n, kh n i, i, c ch T, ng cao ,...;</p> | 4663 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

M nh gi c h n: 10.000 VNĐ /C h n

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | L H I V N   | i l Th n Thanh Vân, Xã Thanh Lâm, H n M Linh, Th nh h H N i, Vi Nam                  | C h n        | 162.000    | 1.620.000.000         | 90,000    | 001091014881                                                                                |         |
|     |             |                                                                                      | h thông      |            |                       |           |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | T ng         | 162.000    | 1.620.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
| 2   | L V N N M   | S nh 18, kh 2, Ph ng Nam H a, Th Q ng Y n, T nh Q ng Ninh, Vi Nam                    | C h n        | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     | 101189793                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                      | h thông      |            |                       |           |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | T ng         | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
| 3   | VI T NGUYỄN | Th n B ch T , X Ti n Th ng, H n M Linh, Th nh h H N i, Vi Nam                        | C h n        | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     | 013228084                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                      | h thông      |            |                       |           |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | T ng         | 9.000      | 90.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ tên: L H I V N

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/11/1991 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng nhận: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng nhận: 001091014881

Ngày: 02/11/2016 Nơi cư trú: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 1 Thôn Thanh Vân, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chức vụ hiện tại: C22TT13 khu đô thị Văn Quán, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng kinh doanh TNHH H N I